

Bản án số: 04/2018/HS-ST

Ngày: 30-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Ngô Văn Đức

2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hữu Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2017/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. H, sinh năm 1972

Nơi cư trú: ấp Pg, xã P, huyện B, Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông O, sinh năm 1945 và bà N, sinh năm 1952; Có 01 chị sinh năm 1969; Có vợ tên T, sinh năm 1972; Có 01 con sinh năm 1997.

Tiền án: Ngày 20/4/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày 20/4/2017 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tiền sự: có 02 tiền sự: Ngày 31/5/2016 bị Công an huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt 750.000 đồng; Ngày 18/5/2017, bị Ủy ban nhân dân xã P (huyện

Ba Tri, tỉnh Bến Tre) áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 03 thì nghỉ học phụ giúp gia đình. Từ tháng 5/2016, liên tục sử dụng trái phép chất ma túy và bị xử phạt hành chính. Đến tháng 4/2017, phạm tội và chấp hành thời gian thử thách 01 năm về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Trong thời gian chấp hành thời gian thử thách liên tục sử dụng trái phép chất ma túy bị Cơ quan chức năng lập thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì phạm tội mới và bị bắt tạm giam cho đến nay.

Bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 05/9/2017, đến ngày 08/9/2017 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. P ,sinh năm 1979

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông V, không rõ năm sinh và bà C – sinh năm 1958. Có 04 chị em, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1990.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Có 02 tiền sự: Ngày 06/3/2017 bị Công an xã P (huyện Ba Tri, tỉnh Bến tre) xử phạt 750.000đồng; Ngày 16/6/2017 tiếp tục bị Công an xã P (huyện Ba Tri, tỉnh Bến tre) xử phạt 1.000.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 3 thì nghỉ học sinh sống cùng gia đình tại khu phố 1 thị trấn B(huyện B – tỉnh Bến Tre). Ngày 17/5/2017 có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bị Công an huyện G, tỉnh Bến Tre khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày bị bắt quả tang.

Bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 05/9/2017, đến ngày 08/9/2017 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. Ông Đ, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Ông L, sinh năm 1943

Đại diện theo ủy quyền: **Chị Y, sinh năm 1972** (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

** Người làm chứng:*

1. M, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. L, sinh năm 1992 (có mặt).

ĐKTT: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bến Tre.

3. Tr, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

H và P là đối tượng nghiện ma túy nhưng bản thân không có nghề nghiệp, cả hai biết M có mua mai kiểng nên cùng rủ nhau đi trộm cắp mai của người khác để bán cho M lấy tiền mua ma túy sử dụng.

- Vụ thứ nhất: Khoảng 03 giờ 20 phút ngày 05/9/2017, H dùng xe máy không biển số chở P đi ngang qua phần đất của ông Đ thì phát hiện bên trong thửa đất có cây mai kiểng nhưng không có ai trông coi nên cả hai dừng xe, P dùng kim mang theo cắt lưới B40 vào bên trong nhổ cây mai rồi cùng với H khiêng cây mai ra để lên xe chở đi bán cho M. Đến ngã tư đèn xanh – đỏ thuộc khu phố 5 thị trấn Ba Tri, P và H bị ông Đ cùng với Tr (người làm thuê cho ông Đ) phát hiện giữ lại rồi điện thoại báo Công an thị trấn Ba Tri đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Vật chứng thu giữ 01 cây mai vàng có chu vi phần gốc 67cm, cao 2,1m được Hội đồng định giá kết luận giá trị lúc chưa bị nhổ gốc là 15.000.000 đồng, còn lúc đã nhổ lên là 7.000.000 đồng; 01 xe gắn máy loại cup 50cc, màu sơn xanh, không có biển số, số máy C50E-367677, số khung C50YJ086568 của H qua điều tra có biển số 71FD-0203; 01 kim băng kim loại, vỏ màu xanh trên vỏ có chữ GOODMAN. Cơ quan điều tra đã xử lý trả cây mai vàng cho anh Đ và anh Đi không yêu cầu các bị can bồi thường.

- Vụ thứ hai: Vào đêm ngày 03 rạng ngày 04/9/2017, H biết nhà ông L ở gần nhà của H có trồng cây mai vàng trước sân nhà, nên H rủ P đến nhà của ông L nhổ trộm. Sau khi thống nhất, H và P đi bộ đến nhà ông L, H cùng cho P dùng tay nhổ cây mai, rồi cả 02 khiêng mai đem về nhà H. Sau đó, H dùng xe mô tô không có biển số chở cây mai vàng đem bán cho M nhưng M chưa trả tiền, còn chiếc xe mô tô thì H cho L mượn điều khiển lưu thông trên đường thì bị Cảnh sát giao thông Công an huyện Ba Tri tạm giữ do xe không có biển số và không có giấy tờ. M giao nộp 01 cây mai vàng chu vi 37cm, cao 137cm được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận giá trị lúc chưa nhổ gốc và sau khi bị nhổ gốc có giá bằng nhau là 2.500.000 đồng; Cảnh sát giao thông huyện Ba Tri bàn giao 01 xe mô tô không biển số, số máy VNT1P52FM...003000655, số khung RNTWCH...T51300655 qua điều tra có biển số 71S1-9348; Cơ quan điều tra đã xử lý trả cây mai vàng cho bà Y (ông L ủy quyền cho bà Y) và bà Y không yêu cầu các bị can bồi thường.

Ngoài hai vụ chiếm đoạt tài sản nêu trên, H và P còn khai nhận thực hiện 05 vụ trộm cây kiểng khác như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 8 năm 2017, H và P đi bằng xe mô tô không biển số của H đến nhà anh Ng – sinh năm 1981 ở khu phố 5, thị trấn B (huyện B – tỉnh Bến Tre) nhổ trộm một cây mai vàng đem bán cho M được 400.000 đồng rồi chia mỗi người 200.000 đồng. M giao nộp 01 cây mai vàng có chu vi phần gốc 41cm, cao 142cm được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận giá trị lúc chưa bị nhổ và lúc sau khi bị nhổ đều có giá bằng nhau là 1.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã xử lý trả cây mai vàng cho anh Ng và anh Ng không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

- Vụ thứ hai: Khoảng ngày 07 đến ngày 10/8/2017, H và P đi bộ đến nhà bà D – sinh năm 1956 ở ấp P, xã P (huyện B – Bến Tre) nhổ trộm một cây bông giấy và một cây Nguyệt Quế; sau đó cả hai đem bán cây Nguyệt Quế cho M được 200.000 đồng rồi chia mỗi người 100.000 đồng, còn cây bông giấy thì cho M. M giao nộp 01 cây bông giấy có chu vi phần gốc 44cm, cao 140 cm được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận giá trị lúc chưa bị nhổ gốc là 500.000 đồng và lúc sau khi bị nhổ là 200.000 đồng, còn cây nguyệt quế không thu hồi được nên Hội đồng định giá không có căn cứ để định giá. Cơ quan điều tra đã xử lý trả cây bông giấy cho bà D và bà D không yêu cầu các bị can bồi thường cây nguyệt quế đã mất.

- Vụ thứ ba: Khoảng ngày 14 đến ngày 17/8/2017, H và P đi bằng xe mô tô không biển số đến khu vực nhà trọ H- G thuộc khu phố 5, thị trấn B (huyện

B – tỉnh Bến Tre) nhờ trộm 01 (một) cây mai vàng của anh Nguyễn V L – sinh năm 1979 đem bán cho M giá 500.000 đồng. Do cây mai không thu hồi được nên Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Tri không có căn cứ để định giá.

- Vụ thứ tư: Khoảng ngày 19 đến ngày 21/8/2017, H và P đi bằng xe mô tô không biển số đến khu vực nhà trọ M - K thuộc ấp V, xã V (huyện B – tỉnh Bến Tre) nhờ trộm cây mai vàng của anh Đặng V Th – sinh năm 1963 đem bán cho M giá 600.000 đồng. Do cây mai không thu hồi được nên Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Tri không có căn cứ để định giá.

- Vụ thứ năm: Khoảng ngày 26 đến ngày 28/8/2017, H và P đi trên xe mô tô không biển số đến khu vực khách sạn R - Đ thuộc khu phố 1, thị trấn B (huyện B – tỉnh Bến Tre) nhờ trộm cây mai tứ quý của anh Nguyễn A T – sinh năm 1971 đem bán cho M được 500.000 đồng. Do cây mai không thu hồi được nên Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Tri không có căn cứ để định giá.

Tại bản cáo trạng số 01/KSĐT - KT ngày 29/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo H, P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm cáo trạng, truy tố các bị cáo H, P về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đồng thời đề nghị HĐXX:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, các Điều 20, 53, 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo H từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 60 và Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại bản án hình sự phúc thẩm số: 31/2017/HSPT ngày 20/4/2017 của TAND tỉnh Bến Tre buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; các Điều 20, 53, 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo P từ 12 đến 15 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX:

+ Ghi nhận Cơ quan CSĐT đã giao trả các tài sản cho các chủ sở hữu là bị hại Đ, L.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô không biển số, số máy VNTP52FM-00300055, số khung bị mờ phần đầu, nhìn thấy được ba số cuối là 655; 01 xe gắn máy loại cup 50cc, màu sơn xanh, không có biển số, số máy C50E-367677, số khung bị mờ chỉ nhìn thấy các số C50YJ0865...8 do đây là phương tiện mà hai bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 cây kim bằng kim loại, vỏ màu xanh trên vỏ có chữ GOODMAN do đây là công cụ hai bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại và không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa, các bị cáo H, P đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản như cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vật chứng thu giữ và phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát.

Người bị hại Đ, L (bà Y là người đại diện theo ủy quyền) đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào. Về trách nhiệm hình sự, hai bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai nhận của các bị cáo H, P là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, nên H và P đã hai lần lén lút chiếm đoạt 01 cây mai vàng trị giá 2.500.000 đồng của ông L và 01 cây mai vàng trị giá 15.000.000 đồng của anh Đ thì bị bắt quả tang; Sự việc xảy ra vào đêm 03 rạng 04/9/2017 tại ấp P, xã P và khoảng 03 giờ 20 phút ngày 05/9/2017 tại khu phố 5, thị trấn B (huyện B – tỉnh Bến Tre).

[2] Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại, các bị cáo đã người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có

khả năng nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo đã bất chấp và cố ý thực hiện, hậu quả xảy ra là đúng như bị cáo mong muốn. Do vậy, các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của các bị cáo xuất phát từ bản tính tham lam, động cơ tư lợi bất chính, muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng mà không phải bỏ sức lao động. Chính từ ý thức và việc làm sai trái trên đã gây ra sự tổn thất chính đáng về tài sản cho người bị hại. Việc làm của các bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố các bị cáo H, P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi của các bị cáo thấy rằng: bị cáo H và P đều có nhân thân xấu. Trong đó, bị cáo Hiền đang có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và 01 tiền án về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và hiện bị cáo vẫn chưa chấp hành xong hình phạt cho hành vi này. Trong thời gian đang chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo, bị cáo H vẫn không chịu cải sửa, tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy và để có tiền mua ma túy sử dụng, bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo P cũng đang có 02 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Điều đó cho thấy hai bị cáo là người rất khó cải tạo giáo dục và phải xử lý nghiêm bằng biện pháp cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo hai bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, H và P đều là người thực hành nên phải chịu trách nhiệm ngang nhau.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của hai bị cáo thấy rằng: Bị cáo H đang có tiền án về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại 02 lần nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng là tái phạm và phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo P thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 02 lần nên cũng phạm vào tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

[6] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo H có người thân trong gia đình là người có công với đất nước nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. HĐXX sẽ xem xét các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tri đã giao trả tài sản bị chiếm đoạt cho các bị hại và các bị hại không có yêu cầu bồi thường là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận; Đối với số vật chứng gồm 01 xe mô tô không biển số, 01 xe gắn máy loại cup 50cc và, do đây là phương tiện các bị cáo sử dụng chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên sẽ bị tịch thu sung quỹ nhà nước; Đối với 01 cây kim bằng kim loại, do là công cụ các bị cáo sử dụng chiếm đoạt tài sản và không còn giá trị sử dụng nên sẽ bị tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản gồm: 01 cây mai vàng trị giá 1.000.000 đồng của anh Ng, 01 cây bông giấy trị giá 500.000 đồng và 01 cây nguyệt quế của bà D, 01 cây mai vàng của anh Nguyễn V L, 01 cây mai vàng của anh Đặng V Th, 01 cây mai tứ quý của anh Nguyễn A T. Do tài sản trị giá chưa đủ 2.000.000 đồng hoặc không có căn cứ xác định giá trị tài sản để xử lý hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri không khởi tố mà chỉ xử phạt hành chính đối với P và H là phù hợp quy định pháp luật.

[9] Ngoài ra, đối với lời khai của anh Nguyễn V L còn mất 03 cây mai vàng khác và Nguyễn A T còn mất 01 cây mai vàng khác nhưng do không đủ chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở kết luận H và P lấy trộm số tài sản này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri không xử lý trong vụ án này nên HĐXX không xem xét.

[10] Đối với M có hành vi tiêu thụ mai kiêng, nhưng M không biết mai kiêng do H và P trộm cắp mà có nên cơ quan CSĐT không xử lý M về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

[11] Đối với lời khai của M nhờ Trần Q N mua giùm ma túy để sử dụng cùng với P và H, nhưng do Trần Q N bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra tách ra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT)– Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo **H, P** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”,

[2] Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, các Điều 20, 53, 33 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **H 01 (Một)** năm **03 (Ba)** tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 60 và Điều 51 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án hình sự phúc thẩm số 31/2017/HSPT ngày 20/4/2017 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là **01 (Một)** năm **09 (Chín)** tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 05/9/2017.

[3] Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 20, 53, 33 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **P 01 (Một)** năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 05/9/2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003;

+ Ghi nhận các bị hại Đ, L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô không biển số, số máy VNTP52FM-00300055, số khung bị mờ phần đầu, nhìn thấy được ba số cuối là 655; 01 xe gắn máy loại cup 50cc, màu sơn xanh, không có biển số, số máy C50E-367677, số khung bị mờ chỉ nhìn thấy các số C50YJ0865...8.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 cây kim bằng kim loại, vỏ màu xanh trên vỏ có chữ GOODMAN.

(Theo phiếu nhập kho số NKTV10 ngày 03/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri)

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14. Buộc các bị cáo H, P mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[6] Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND TT. B(huyện B, Bến Tre);
- UBND xã P (huyện B, Bến Tre);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Tùng

